

# CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HD 18

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HD 18

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HD 18 COMMERCIAL AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HD 18 CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107913034

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9, ngõ 148, đường Phúc Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976 200 232

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 2.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742     |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                      | 4530     |
| 5.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                       | 4541     |
| 6.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633     |
| 8.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610     |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652     |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 11. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                    | 4920     |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931     |
| 13. | Vận tải đường ống                                                                                                                                                       | 4940     |
| 14. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương                                                                                                                               | 5011     |
| 15. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                            | 4512     |
| 16. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651     |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4741        |
| 19. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4751        |
| 20. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4753        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                    | 4932        |
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 4543        |
| 23. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                               | 4100(Chính) |
| 24. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                        | 4220        |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                 | 4390        |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 27. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4723        |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                      | 4933        |
| 29. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                               | 5021        |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                           | 4210        |
| 31. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                          | 4290        |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 33. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 34. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                 | 7110        |
| 35. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                      | 7410        |
| 36. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                  | 4632        |
| 37. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;                                                                               | 7730        |
| 38. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                | 4711        |
| 39. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                  | 4649        |
| 40. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                             | 5012        |
| 41. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                 | 5022        |
| 42. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                              | 7710        |
| 43. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                               | 4321        |
| 44. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                     | 4322        |
| 45. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                      | 4329        |
| 46. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                 | 4511        |
| 47. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                   | 4513        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN HOÁN  | Xóm 14, thôn Thuận Hậu, Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam      | 500.000.000           | 50,000    | 162873130                                                                                                                                         |         |
| 2   | BÙI VĂN DINH   | Xóm 2, thôn Chi Đông, Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam        | 500.000.000           | 50,000    | 162873036                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN DINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/09/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162873036

Ngày cấp: 01/07/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn Chi Đông, Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 2, thôn Chi Đông, Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội